

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận tốt nghiệp đại học và cấp văn bằng cho sinh viên

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị quyết số 99/NQ-HĐT ngày 19 tháng 4 năm 2023 của Hội đồng trường về việc Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Cần Thơ; Nghị quyết số 181/NQ-HĐT ngày 19 tháng 4 năm 2024 và Nghị quyết số 185/NQ-HĐT ngày 03 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng trường Trường Đại học Cần Thơ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Cần Thơ;

Căn cứ Thông tư số 21/2019/TT-BGDĐT ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế quản lý bằng tốt nghiệp trung học cơ sở, bằng tốt nghiệp trung học phổ thông, bằng tốt nghiệp trung cấp sư phạm, bằng tốt nghiệp cao đẳng sư phạm, văn bằng giáo dục đại học và chứng chỉ của hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Quy định công tác học vụ dành cho sinh viên trình độ đại học hình thức chính quy, ban hành kèm theo Quyết định số 3266/QĐ-ĐHCT ngày 15 tháng 8 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Cần Thơ;

Căn cứ Biên bản xét tốt nghiệp số 1632/ĐHCT-ĐT ngày 21 tháng 3 năm 2025 của Hội đồng xét tốt nghiệp trình độ đại học hình thức chính quy năm 2025 cho sinh viên Trường Thủy sản;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo và Trưởng phòng Công tác Sinh viên.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận tốt nghiệp trình độ đại học hình thức chính quy và cấp bằng Kỹ sư (kèm theo phụ lục văn bằng) cho 192 sinh viên thuộc Trường Thủy sản (đợt TS2L1/2025).

(Danh sách sinh viên tốt nghiệp kèm theo)

Điều 2. Các chế độ, quyền lợi và nghĩa vụ của sinh viên tại Trường Đại học Cần Thơ được dừng kể từ ngày ký quyết định.

Điều 3. Thủ trưởng các đơn vị: Phòng Đào tạo, Văn phòng Trường Đại học Cần Thơ, Phòng Kế hoạch và Tài chính, Phòng Công tác Sinh viên, Trường Thủy sản, các đơn vị có liên quan và sinh viên có tên ở Điều 1 căn cứ quyết định thi hành./. *h*

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (để thực hiện);
- Lưu: VT, P.ĐT.



HIỆU TRƯỞNG

Trần Trung Tính



TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC CHÍNH QUY - ĐỢT: TS2L1/2025

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1885/QĐ-ĐHCT ngày 23 tháng 5 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Cần Thơ)

Đơn vị: Trường Thủy sản

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Tên lớp	Nữ	ĐTB	TCTL	Xếp loại	Loại văn bằng	CĐR (*)	Ghi chú
Ngành đào tạo: Bệnh học thủy sản											
1	B2003290	Nguyễn Minh Mẫn	17/05/2002	TS2076A1		2.52	152	Khá	Kỹ sư		
2	B2102810	Nguyễn Kiều Diễm	03/10/2003	TS2176A1	N	3.33	150	Giỏi	Kỹ sư	X	
3	B2102815	Lê Thị Mỹ Duyên	18/02/2003	TS2176A1	N	2.94	150	Khá	Kỹ sư	X	
4	B2102823	Phan Minh Hiếu	09/01/2003	TS2176A1		3.13	150	Khá	Kỹ sư	X	
5	B2102828	Phạm Tuấn Huy	25/12/2003	TS2176A1		3.41	150	Giỏi	Kỹ sư	X	
6	B2102832	Lê Quốc Khanh	30/12/2003	TS2176A1		3.24	153	Giỏi	Kỹ sư	X	
7	B2102839	Vũ Tùng Lâm	27/10/2003	TS2176A1		3.20	157	Giỏi	Kỹ sư	X	
8	B2102842	Ngô Quang Mẫn	25/10/2003	TS2176A1		3.01	150	Khá	Kỹ sư	X	
9	B2102844	Đoàn Thị Thu Ngân	09/06/2003	TS2176A1	N	3.15	150	Khá	Kỹ sư	X	
10	B2102863	Liên Quốc Thái	24/12/2000	TS2176A1		3.11	150	Khá	Kỹ sư	X	
11	B2102864	Nguyễn Hoàng Thắng	25/02/2003	TS2176A1		2.79	150	Khá	Kỹ sư	X	
12	B2102867	Mã Tuấn Thoại	17/08/2003	TS2176A1		3.55	150	Giỏi	Kỹ sư	X	
13	B2102871	Chung Kiều Tiên	07/02/2003	TS2176A1	N	2.90	150	Khá	Kỹ sư	X	
14	B2102873	Danh Thị Ngọc Trân	07/11/2003	TS2176A1	N	2.85	150	Khá	Kỹ sư	X	
15	B2102877	Trang Phạm Huyền Trân	16/07/2003	TS2176A1	N	3.20	150	Giỏi	Kỹ sư	X	
16	B2102880	Bùi Công Tử	27/05/2003	TS2176A1		3.13	150	Khá	Kỹ sư	X	
17	B2109595	Sầm Như Anh	21/07/2002	TS2176A1	N	3.10	150	Khá	Kỹ sư	X	
18	B2109602	Nguyễn Chí Hào	12/03/2003	TS2176A1		2.87	150	Khá	Kỹ sư	X	
19	B2109604	Huỳnh Văn Trọng Hữu	07/10/2003	TS2176A1		2.97	150	Khá	Kỹ sư	X	
20	B2109609	Nguyễn Nhã Linh	15/11/2002	TS2176A1	N	2.83	150	Khá	Kỹ sư	X	
21	B2109610	Nguyễn Thị Thùy Linh	06/11/2003	TS2176A1	N	3.06	150	Khá	Kỹ sư	X	
22	B2109611	Nguyễn Thị Trúc Mai	01/08/2003	TS2176A1	N	3.44	150	Giỏi	Kỹ sư	X	
23	B2109612	Quách Ngọc Mí	05/05/2003	TS2176A1	N	3.12	150	Khá	Kỹ sư	X	
24	B2109617	Đặng Thị Kim Ngọc	24/04/2003	TS2176A1	N	3.10	150	Khá	Kỹ sư	X	

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Tên lớp	Nữ	ĐTB	TCTL	Xếp loại	Loại văn bằng	CĐR (*)	Ghi chú
25	B2109623	Trần Hồng Nhung	17/10/2003	TS2176A1	N	3.53	150	Giỏi	Kỹ sư	X	
26	B2109630	Nguyễn Minh Thuận	19/06/2003	TS2176A1		3.31	150	Giỏi	Kỹ sư	X	
27	B2109636	Trịnh Trọng Tuyên	14/12/2002	TS2176A1		2.86	150	Khá	Kỹ sư	X	
Ngành đào tạo: Công nghệ chế biến thủy sản											
1	B2011476	Phan Tuyết Nhung	02/09/2002	TS2082A1	N	2.99	150	Khá	Kỹ sư		
2	B2011526	Nguyễn Đức Duy	04/01/2002	TS2082A2		3.09	152	Khá	Kỹ sư		
3	B2102943	Thạch Thị Ngọc Chi	09/07/2003	TS2182A1	N	3.10	150	Khá	Kỹ sư	X	
4	B2102949	Trần Tiến Đạt	07/10/2003	TS2182A1		3.65	150	Xuất sắc	Kỹ sư	X	
5	B2102950	Danh Thị Kim Đẹp	17/12/2003	TS2182A1	N	3.00	150	Khá	Kỹ sư	X	
6	B2102956	Thạch Minh Hạ	29/12/2002	TS2182A1	N	3.04	150	Khá	Kỹ sư	X	
7	B2102959	Phạm Thị Phụng Hằng	08/08/2003	TS2182A1	N	3.32	150	Giỏi	Kỹ sư	X	
8	B2102966	Phạm Lưu Diễm Huỳnh	18/12/2003	TS2182A1	N	3.26	150	Giỏi	Kỹ sư	X	
9	B2102968	Nguyễn Quế Hương	14/11/2003	TS2182A1	N	3.63	150	Xuất sắc	Kỹ sư	X	
10	B2102972	Trần Thị Yến Linh	26/05/2003	TS2182A1	N	3.04	150	Khá	Kỹ sư	X	
11	B2102973	Nguyễn Thị Thủy Loan	19/09/2003	TS2182A1	N	3.51	154	Giỏi	Kỹ sư	X	
12	B2102974	Lê Thành Lợi	03/06/2003	TS2182A1		3.28	150	Giỏi	Kỹ sư	X	
13	B2102982	Bùi Nguyễn Học Nghi	22/12/2003	TS2182A1	N	3.06	150	Khá	Kỹ sư	X	
14	B2102985	Trần Bùi Mỹ Ngọc	30/01/2003	TS2182A1	N	3.17	150	Khá	Kỹ sư	X	
15	B2102987	Lê Hải Nhi	16/09/2003	TS2182A1	N	3.74	150	Xuất sắc	Kỹ sư	X	
16	B2103029	Nguyễn Thành Tỷ	15/04/2002	TS2182A1		3.24	150	Giỏi	Kỹ sư	X	
17	B2103040	Huỳnh Lê Hà Anh	16/11/2003	TS2182A2	N	3.23	150	Giỏi	Kỹ sư	X	
18	B2103048	Lê Thị Cẩm Duy	28/11/2003	TS2182A2	N	2.96	150	Khá	Kỹ sư	X	
19	B2103055	Danh Thị Bé Hai	02/03/2003	TS2182A2	N	3.34	150	Giỏi	Kỹ sư	X	
20	B2103056	Nguyễn Hữu Hào	10/10/2003	TS2182A2		3.21	150	Giỏi	Kỹ sư	X	
21	B2103068	Trần Thị Trúc Huỳnh	26/07/2003	TS2182A2	N	3.09	150	Khá	Kỹ sư	X	
22	B2103069	Nguyễn Thị Diễm Hương	16/12/2003	TS2182A2	N	2.98	150	Khá	Kỹ sư	X	
23	B2103081	Nguyễn Lê Bảo Ngân	26/06/2003	TS2182A2	N	3.36	150	Giỏi	Kỹ sư	X	
24	B2103094	Nguyễn Thị Hồng Nhung	16/06/2003	TS2182A2	N	3.14	150	Khá	Kỹ sư	X	
25	B2103117	Nguyễn Thị Cẩm Tiên	24/07/2003	TS2182A2	N	3.52	150	Giỏi	Kỹ sư	X	
26	B2103127	Lâm Hồng Trúc	03/03/2003	TS2182A2	N	3.09	154	Khá	Kỹ sư	X	
27	B2103130	Phạm Thị Cẩm Tú	19/10/2003	TS2182A2	N	3.27	150	Giỏi	Kỹ sư	X	
28	B2103135	Nguyễn Dương Lan Vy	28/07/2003	TS2182A2	N	3.63	150	Xuất sắc	Kỹ sư	X	
29	B2103140	Nguyễn Thị Như Ý	30/04/2003	TS2182A2	N	3.41	150	Giỏi	Kỹ sư	X	

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Tên lớp	Nữ	ĐTB	TCTL	Xếp loại	Loại văn bằng	CĐR (*)	Ghi chú
30	B2107107	Nguyễn Thị Thúy Quỳnh	05/11/2003	TS2182A2	N	3.03	150	Khá	Kỹ sư	X	
31	B2109685	Nguyễn Thanh Duy	17/10/2003	TS2182A1		2.94	150	Khá	Kỹ sư	X	
32	B2109686	Lê Kim Định	28/09/2003	TS2182A1	N	3.54	150	Giỏi	Kỹ sư	X	
33	B2109698	Trần Bảo Ngọc	27/11/2003	TS2182A1	N	2.82	150	Khá	Kỹ sư	X	
34	B2109707	Nguyễn Thị Lệ Quyên	06/02/2003	TS2182A1	N	2.84	150	Khá	Kỹ sư	X	
35	B2109710	Lưu Diệp Thúy	13/09/2003	TS2182A1	N	3.52	150	Giỏi	Kỹ sư	X	
36	B2109712	Lê Quốc Toàn	01/05/2003	TS2182A1		3.48	150	Giỏi	Kỹ sư	X	
37	B2109713	Trần Phan Thùy Trang	23/10/2003	TS2182A1	N	2.80	150	Khá	Kỹ sư	X	
38	B2109716	Quách Ngọc Trân	06/05/2003	TS2182A1	N	3.48	150	Giỏi	Kỹ sư	X	
39	B2109721	Trần Phạm Thái Anh	02/08/2002	TS2182A2		3.21	150	Giỏi	Kỹ sư	X	
40	B2109726	Nguyễn Thị Hương Giang	12/11/2003	TS2182A2	N	3.30	150	Giỏi	Kỹ sư	X	
41	B2109727	Trần Ngọc Diễm Hân	06/02/2003	TS2182A2	N	3.37	150	Giỏi	Kỹ sư	X	
42	B2109738	Nguyễn Thành Nguyên	20/11/2003	TS2182A2		3.11	150	Khá	Kỹ sư	X	
43	B2109740	Huỳnh Kim Nhiên	15/03/2003	TS2182A2	N	3.45	150	Giỏi	Kỹ sư	X	
44	B2109744	Nguyễn Trọng Phúc	17/11/2003	TS2182A2		3.24	150	Giỏi	Kỹ sư	X	
45	B2109751	Võ Minh Tiến	27/12/2003	TS2182A2		3.63	150	Xuất sắc	Kỹ sư	X	
46	B2109753	Bùi Nguyễn Bích Trâm	25/04/2003	TS2182A2	N	3.52	150	Giỏi	Kỹ sư	X	
47	B2109756	Lê Minh Trí	09/01/2003	TS2182A2		3.02	150	Khá	Kỹ sư	X	
48	B2109758	Lâm Thị Lê Uyên	14/09/2003	TS2182A2	N	3.50	157	Giỏi	Kỹ sư	X	
Ngành đào tạo: Nuôi trồng thủy sản											
1	B1901238	Nguyễn Tuấn Sang	18/05/2001	TS1913A2		2.95	150	Khá	Kỹ sư		
2	B2001188	Phạm Văn Vững	07/11/2002	TS2013A3		3.07	150	Khá	Kỹ sư		
3	B2008262	Trương Hiệp Thành	13/12/2002	TS2013A2		2.90	150	Khá	Kỹ sư		
4	B2008265	Nguyễn Thị Thư	16/02/2002	TS2013A2	N	2.94	151	Khá	Kỹ sư		
5	B2100004	Lê Thị Yên Nhi	15/08/2002	TS2113A1	N	3.12	150	Khá	Kỹ sư	X	
6	B2100831	Thạch Bửu Duy	28/03/2003	TS2113A1		3.15	150	Khá	Kỹ sư	X	
7	B2100835	Đào Đức Đạt	03/11/2003	TS2113A1		3.35	150	Giỏi	Kỹ sư	X	
8	B2100840	Trần Thái Vũ Đức	07/05/2003	TS2113A1		2.96	150	Khá	Kỹ sư	X	
9	B2100842	Võ Nhật Hào	14/02/2002	TS2113A1		2.79	150	Khá	Kỹ sư	X	
10	B2100843	Trương Thị Lý Hồng Hân	02/10/2002	TS2113A1	N	3.32	150	Giỏi	Kỹ sư	X	
11	B2100853	Nguyễn Tuấn Khang	31/01/2003	TS2113A1		2.90	150	Khá	Kỹ sư	X	
12	B2100869	Huỳnh Diễm My	11/07/2003	TS2113A1	N	2.94	150	Khá	Kỹ sư	X	
13	B2100879	Đoàn Lê Ngọc Nhi	09/12/2003	TS2113A1	N	3.71	150	Xuất sắc	Kỹ sư	X	

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Tên lớp	Nữ	ĐTB	TCTL	Xếp loại	Loại văn bằng	CĐR (*)	Ghi chú
14	B2100881	Phan Em Nhớ	19/05/2003	TS2113A1		2.73	150	Khá	Kỹ sư	X	
15	B2100883	Lê Huỳnh Như	13/10/2003	TS2113A1	N	3.41	150	Giỏi	Kỹ sư	X	
16	B2100898	Hồ Việt Quang	22/10/2003	TS2113A1		3.12	150	Khá	Kỹ sư	X	
17	B2100907	Thái Trường Trọng Tài	20/10/2003	TS2113A1		3.27	150	Giỏi	Kỹ sư	X	
18	B2100910	Phan Thị Hồng Thắm	12/01/2003	TS2113A1	N	2.95	154	Khá	Kỹ sư	X	
19	B2100924	Nguyễn Văn Tín	10/10/2003	TS2113A1		3.16	150	Khá	Kỹ sư	X	
20	B2100945	Nguyễn Thị Yến Vy	21/07/2003	TS2113A1	N	3.13	150	Khá	Kỹ sư	X	
21	B2100951	Lê Thị Vân Anh	02/04/2003	TS2113A3	N	3.68	150	Xuất sắc	Kỹ sư	X	
22	B2100958	Lương Ngọc Bồi Bồi	22/06/2003	TS2113A2	N	3.15	150	Khá	Kỹ sư	X	
23	B2100960	Trương Thị Kim Chi	17/04/2003	TS2113A3	N	3.45	150	Giỏi	Kỹ sư	X	
24	B2100966	Lê Trung Dương	21/02/2003	TS2113A2		3.20	150	Giỏi	Kỹ sư	X	
25	B2100993	Võ Văn Kiệt	12/05/2003	TS2113A3		2.92	150	Khá	Kỹ sư	X	
26	B2100994	Nguyễn Thị Nhựt Lan	14/06/2003	TS2113A2	N	3.12	150	Khá	Kỹ sư	X	
27	B2100998	Trần Phước Lộc	29/11/2003	TS2113A2		3.33	150	Giỏi	Kỹ sư	X	
28	B2101000	Huỳnh Mai	13/01/2003	TS2113A3	N	3.41	150	Giỏi	Kỹ sư	X	
29	B2101001	Hàng Thị Bé My	25/08/2003	TS2113A3	N	3.11	151	Khá	Kỹ sư	X	
30	B2101008	Nguyễn Như Nguyệt	06/05/2003	TS2113A3	N	3.64	150	Xuất sắc	Kỹ sư	X	
31	B2101010	Phan Chí Nhân	02/10/2003	TS2113A2		3.16	150	Khá	Kỹ sư	X	
32	B2101017	Trương Minh Nhường	17/07/2003	TS2113A1		3.50	150	Giỏi	Kỹ sư	X	
33	B2101027	Thạch Thiên Phúc	18/07/2003	TS2113A3		2.98	150	Khá	Kỹ sư	X	
34	B2101054	Bùi Thị Hoài Thương	18/02/2003	TS2113A3	N	3.46	150	Giỏi	Kỹ sư	X	
35	B2101060	Nguyễn Thị Huyền Trân	10/11/2003	TS2113A3	N	2.93	150	Khá	Kỹ sư	X	
36	B2101063	Lư Văn Triều	10/11/2002	TS2113A3		3.29	150	Giỏi	Kỹ sư	X	
37	B2101069	Lê Thị Bích Tuyền	02/10/2003	TS2113A2	N	3.56	150	Giỏi	Kỹ sư	X	
38	B2101071	Ngô Thị Thu Uyên	06/11/2003	TS2113A3	N	3.31	150	Giỏi	Kỹ sư	X	
39	B2101075	Lê Quang Vinh	04/11/2003	TS2113A3		2.86	150	Khá	Kỹ sư	X	
40	B2107039	Trương Khải	10/11/2003	TS2113A3		2.85	150	Khá	Kỹ sư	X	
41	B2107043	Hồ Phúc Tấn Tài	01/06/2003	TS2113A2		2.96	150	Khá	Kỹ sư	X	
42	B2107621	Nguyễn Thị Bích	16/02/2003	TS2113A1	N	3.48	150	Giỏi	Kỹ sư	X	
43	B2107630	Nguyễn Khải Định	22/10/2003	TS2113A3		3.28	150	Giỏi	Kỹ sư	X	
44	B2107635	Phạm Thị Ngọc Huyền	27/01/2003	TS2113A3	N	3.08	150	Khá	Kỹ sư	X	
45	B2107639	Huỳnh Thị Thiên Hương	12/06/2003	TS2113A3	N	2.86	152	Khá	Kỹ sư	X	
46	B2107654	Nguyễn Thị Thanh Ngân	28/06/2003	TS2113A3	N	3.37	150	Giỏi	Kỹ sư	X	

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Tên lớp	Nữ	ĐTB	TCTL	Xếp loại	Loại văn bằng	CĐR (*)	Ghi chú
47	B2107659	Cao Thái Nguyên	19/02/2003	TS2113A3	N	3.44	150	Giỏi	Kỹ sư	X	
48	B2107670	Trần Thanh Sơn	18/06/2003	TS2113A1		3.69	150	Xuất sắc	Kỹ sư	X	
49	B2107672	Nguyễn Chí Thanh	20/12/2003	TS2113A1		2.92	150	Khá	Kỹ sư	X	
50	B2107673	Huỳnh Chí Thảo	20/08/2003	TS2113A1		3.44	150	Giỏi	Kỹ sư	X	
51	B2107679	Nguyễn Ngọc Trang	15/04/2003	TS2113A1	N	3.42	150	Giỏi	Kỹ sư	X	
52	B2107680	Nguyễn Thành Trung	24/02/2003	TS2113A3		3.38	150	Giỏi	Kỹ sư	X	
53	B2107682	Nguyễn Thị Cẩm Tú	31/12/2003	TS2113A3	N	2.92	150	Khá	Kỹ sư	X	
54	B2107685	Nguyễn Thị Trúc Vy	04/08/2003	TS2113A3	N	3.48	150	Giỏi	Kỹ sư	X	
55	B2107690	Lê Huỳnh Tấn Anh	26/04/2003	TS2113A2		3.31	150	Giỏi	Kỹ sư	X	
56	B2107693	Lê Thị Cẩm	10/03/2003	TS2113A2	N	3.63	150	Xuất sắc	Kỹ sư	X	
57	B2107699	Trịnh Tấn Đạt	05/11/2003	TS2113A2		3.26	150	Giỏi	Kỹ sư	X	
58	B2107703	Nguyễn Thị Ngọc Hân	10/01/2003	TS2113A2	N	3.34	150	Giỏi	Kỹ sư	X	
59	B2107704	Cao Lê Phúc Huy	27/10/2003	TS2113A2		3.46	150	Giỏi	Kỹ sư	X	
60	B2107706	Đoàn Thị Như Huỳnh	28/04/2003	TS2113A2	N	3.42	150	Giỏi	Kỹ sư	X	
61	B2107708	Đoàn Thanh Hùng	16/12/2003	TS2113A2		3.63	150	Xuất sắc	Kỹ sư	X	
62	B2107712	Đặng Quốc Khang	14/04/2003	TS2113A2		2.79	150	Khá	Kỹ sư	X	
63	B2107716	Trần Đặng Anh Kiệt	05/11/2003	TS2113A2		3.81	150	Xuất sắc	Kỹ sư	X	
64	B2107718	Trần Nguyễn Yến Linh	25/12/2003	TS2113A2	N	3.22	150	Giỏi	Kỹ sư	X	
65	B2107724	Mai Kim Ngân	03/03/2003	TS2113A2	N	3.37	150	Giỏi	Kỹ sư	X	
66	B2107732	Mai Thị Như	11/06/2003	TS2113A2	N	3.23	150	Giỏi	Kỹ sư	X	
67	B2107737	Trần Lê Quang	20/05/2003	TS2113A2		3.49	150	Giỏi	Kỹ sư	X	
68	B2107747	Ngô Đình Minh Thy	07/09/2003	TS2113A2	N	3.48	154	Giỏi	Kỹ sư	X	
69	B2107749	Hà Tố Tố	15/10/2003	TS2113A2	N	2.89	150	Khá	Kỹ sư	X	
70	B2107750	Trần Thị Quế Trân	01/06/2003	TS2113A2	N	3.17	150	Khá	Kỹ sư	X	
71	B2107751	Phan Tiến Trung	10/10/2003	TS2113A2		3.04	150	Khá	Kỹ sư	X	
Ngành đào tạo: Nuôi trồng thủy sản (chương trình tiên tiến)											
1	B1901017	Huỳnh Nguyễn Nguyên Hạ	19/08/2001	TS1913T1	N	3.55	156	Giỏi	Kỹ sư		
2	B2001204	Cao Quốc Toàn	10/10/2001	TS2013T1		2.98	170	Khá	Kỹ sư		
3	B2001207	Nguyễn Thị Bích Trân	10/03/2002	TS2013T1	N	3.30	158	Giỏi	Kỹ sư		
Ngành đào tạo: Quản lý thủy sản											
1	B1806177	Nguyễn Hoàng Thanh Nữ	20/03/2000	TS18S2A1	N	3.09	144	Khá	Kỹ sư		
2	B1906973	Phạm Thị Thanh Tuyết	21/10/2001	TS19S2A1	N	3.02	150	Khá	Kỹ sư		
3	B2012400	Nguyễn Thị Cẩm Linh	21/08/2002	TS20S2A1	N	2.81	151	Khá	Kỹ sư		

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Tên lớp	Nữ	ĐTB	TCTL	Xếp loại	Loại văn bằng	CĐR (*)	Ghi chú
4	B2103762	Phan Phạm Huỳnh Anh	06/07/2003	TS21S2A1	N	3.46	150	Giỏi	Kỹ sư	X	
5	B2103769	Nguyễn Thị Ngọc Châu	25/04/2003	TS21S2A2	N	3.12	150	Khá	Kỹ sư	X	
6	B2103773	Ngô Lâm Mỹ Diệu	12/11/2003	TS21S2A1	N	3.29	150	Khá	Kỹ sư	X	Hạ bậc
7	B2103774	Lê Thị Kiều Dung	24/12/2003	TS21S2A1	N	3.25	152	Giỏi	Kỹ sư	X	
8	B2103784	Lâm Thị Hồng Đào	13/07/2003	TS21S2A1	N	3.25	150	Giỏi	Kỹ sư	X	
9	B2103786	Phạm Thị Ngọc Diệp	26/02/2003	TS21S2A1	N	2.74	152	Khá	Kỹ sư	X	
10	B2103788	Nguyễn Thị Cẩm Giang	12/08/2003	TS21S2A1	N	3.15	150	Khá	Kỹ sư	X	
11	B2103805	Lưu Như Huỳnh	22/03/2003	TS21S2A1	N	2.89	150	Khá	Kỹ sư	X	
12	B2103818	Lâm Nhật Linh	23/10/2003	TS21S2A2	N	2.75	150	Khá	Kỹ sư	X	
13	B2103822	Trần Thị Yến Linh	22/03/2003	TS21S2A1	N	3.21	150	Giỏi	Kỹ sư	X	
14	B2103832	Huỳnh Thị Kim Ngân	10/01/2003	TS21S2A1	N	2.94	154	Khá	Kỹ sư	X	
15	B2103838	Lý Kim Ngọc	10/11/2003	TS21S2A1	N	3.32	150	Giỏi	Kỹ sư	X	
16	B2103851	Nguyễn Thị Mỹ Phương	03/07/2003	TS21S2A1	N	3.15	151	Khá	Kỹ sư	X	
17	B2103857	Võ Thị Tú Quyên	23/11/2003	TS21S2A2	N	3.18	150	Khá	Kỹ sư	X	
18	B2103862	Lê Nhựt Minh Tâm	26/05/2003	TS21S2A1	N	3.04	154	Khá	Kỹ sư	X	
19	B2103864	Ngô Thanh Thanh	16/05/2003	TS21S2A2	N	2.93	154	Khá	Kỹ sư	X	
20	B2103866	Trần Nguyễn Hoàng Thái	19/02/2003	TS21S2A1		2.91	150	Khá	Kỹ sư	X	
21	B2103873	Phạm Trần Kim Thư	25/09/2003	TS21S2A1	N	2.85	150	Khá	Kỹ sư	X	
22	B2103874	Tạ Huỳnh Anh Thư	11/02/2003	TS21S2A1	N	3.31	150	Giỏi	Kỹ sư	X	
23	B2103876	Danh Tiên	10/04/2003	TS21S2A1		2.79	150	Khá	Kỹ sư	X	
24	B2103885	Bành Thị Thùy Trang	10/11/2003	TS21S2A2	N	3.36	150	Giỏi	Kỹ sư	X	
25	B2103892	Võ Thị Kiều Trinh	16/02/2003	TS21S2A1	N	3.29	150	Giỏi	Kỹ sư	X	
26	B2103899	Lê Thị Thanh Tuyền	29/01/2003	TS21S2A1	N	2.58	150	Khá	Kỹ sư	X	
27	B2103901	Trần Thái Tú	12/12/2003	TS21S2A1		2.98	150	Khá	Kỹ sư	X	
28	B2103905	Lê Nguyễn Phương Vy	30/12/2003	TS21S2A2	N	3.14	151	Khá	Kỹ sư	X	
29	B2103908	Trần Phương Vy	01/12/2003	TS21S2A1	N	2.98	150	Khá	Kỹ sư	X	
30	B2103911	Phạm Phi Yến	21/09/2003	TS21S2A2	N	3.06	150	Khá	Kỹ sư	X	
31	B2103912	Trần Phi Yến	30/12/2003	TS21S2A1	N	3.14	154	Khá	Kỹ sư	X	
32	B2110230	Hồ Nguyễn Văn Anh	24/04/2003	TS21S2A2	N	3.77	150	Xuất sắc	Kỹ sư	X	
33	B2110231	Phan Thị Mỹ Anh	30/11/2003	TS21S2A2	N	3.26	150	Giỏi	Kỹ sư	X	
34	B2110232	Trần Lan Anh	02/11/2003	TS21S2A2	N	3.03	150	Khá	Kỹ sư	X	
35	B2110236	Lê Thị Mỹ Duyên	13/09/2003	TS21S2A2	N	3.05	150	Khá	Kỹ sư	X	
36	B2110240	Nguyễn Kim Hiện	29/01/2002	TS21S2A2	N	3.48	150	Giỏi	Kỹ sư	X	

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Tên lớp	Nữ	ĐTB	TCTL	Xếp loại	Loại văn bằng	CDR (*)	Ghi chú
37	B2110246	Võ Quốc Minh	26/04/2003	TS21S2A2		2.91	150	Khá	Kỹ sư	X	
38	B2110247	Nguyễn Thị Ngọc Mỹ	17/08/2003	TS21S2A2	N	3.75	150	Xuất sắc	Kỹ sư	X	
39	B2110250	Trương Tú Nguyên	15/11/2003	TS21S2A2	N	3.27	150	Giỏi	Kỹ sư	X	
40	B2110253	Trần Phan Nhã Quỳnh	19/11/2003	TS21S2A2	N	3.54	150	Giỏi	Kỹ sư	X	
41	B2110259	Nguyễn Anh Thư	01/07/2003	TS21S2A2	N	3.25	150	Giỏi	Kỹ sư	X	
42	B2110262	Nguyễn Thị Khánh Trinh	19/12/2003	TS21S2A2	N	2.92	152	Khá	Kỹ sư	X	
43	B2110266	Lê Ngọc Xoàn	06/02/2003	TS21S2A2	N	3.49	151	Giỏi	Kỹ sư	X	

(*): Đối với sinh viên nhập học từ năm 2021 (Khóa 47) phải đạt chuẩn đầu ra (CDR) của chương trình đào tạo.

Tổng số danh sách: **192** sinh viên được cấp bằng Kỹ sư 

HIỆU TRƯỞNG



Trần Trung Tính